



**NGÂN HÀNG
CHÍNH SÁCH XÃ HỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

030 /NHCS-TD
V/v giải đáp vướng mắc tại các
lớp tập huấn nghiệp vụ tín dụng
năm 2007

Hà Nội, ngày 8 tháng 6 năm 2007

**Kính gửi: Ông (bà) Giám đốc chi nhánh Ngân hàng
Chính sách xã hội các tỉnh, thành phố**

Trong tháng 4/2007, Tổng giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội (NHCSXH) đã ban hành một số văn bản mới về hướng dẫn nghiệp vụ cho vay vốn theo Quyết định số 31/2007/QĐ-TTg ngày 05/3/2007, Quyết định số 32/2007/QĐ-TTg ngày 05/3/2007, Quyết định số 33/2007/QĐ-TTg ngày 05/3/2007; Quyết định số 212/2007/QĐ-TTg ngày 20/9/2006 của Thủ tướng Chính phủ và sửa đổi, thay thế một số văn bản nghiệp vụ tín dụng hiện hành về: cho vay hộ nghèo, nghiệp vụ uỷ thác cho vay thông qua các tổ chức chính trị - xã hội; tổ chức và hoạt động của Tổ giao dịch lưu động tại xã; đồng thời đã tổ chức các lớp tập huấn tại 3 miền (Bắc, Trung, Nam) để phổ biến nội dung của các văn bản mới ban hành cho NHCSXH cấp tỉnh, cấp huyện để triển khai thực hiện.

Tại các lớp tập huấn này, các chi nhánh có ý kiến đưa ra một số vướng mắc cần được giải đáp. Để thống nhất nhận thức và tổ chức thực hiện tốt nội dung các văn bản này, Tổng giám đốc NHCSXH nêu rõ một số vấn đề sau:

I. VỀ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH TÍN DỤNG

1. Lãi suất cho vay hộ nghèo

- Lãi suất cho vay đối với hộ nghèo kể từ ngày 01/7/2007 sẽ áp dụng 01 mức lãi suất thống nhất trên phạm vi cả nước theo văn bản của Thủ tướng Chính phủ số 593/TTg-KTTH ngày 15/5/2007 V/v điều chỉnh lãi suất cho vay hộ nghèo. Từ nay đến ngày 30/6/2007 vẫn áp dụng 02 mức lãi suất cho vay theo văn bản của Thủ tướng Chính phủ số 1212/TTg-KTTH ngày 24/8/2005 là: mức lãi suất cho vay đối với hộ nghèo cư trú tại các xã thuộc khu vực I, II là 0,65%/tháng và mức lãi suất cho vay đối với hộ nghèo cư trú tại các xã thuộc khu vực III, xã đặc biệt khó khăn theo chương trình 135 của Chính phủ là 0,6%/tháng.

- Quyết định số 30/2007/QĐ-TTg ngày 05/3/2007 của Thủ tướng Chính phủ quy định danh mục các xã thuộc vùng khó khăn bao gồm các xã vùng II, vùng III, các xã đặc biệt khó khăn theo chương trình 135. Vì vậy từ nay đến ngày 30/6/2007, mức lãi suất cho vay đối với hộ nghèo được thụ hưởng mức ưu đãi loại 0,6%/tháng phải căn cứ vào danh mục các xã thuộc vùng III, các xã đặc biệt khó khăn thuộc chương trình 135 theo các Quyết định cũ trước đây, không căn cứ vào danh mục các xã thuộc vùng khó khăn theo Quyết định số 30/2007/QĐ-TTg ngày 05/3/2007 của Thủ tướng Chính phủ mới ban hành.

- Đối với các xã đã ra khỏi chương trình 135 theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, khi cho vay hộ nghèo ở vùng này đến hết ngày 30/6/2007 vẫn áp dụng mức lãi suất cho vay 0,6%/tháng.

2. Đối tượng khách hàng được thụ hưởng chính sách tín dụng ưu đãi theo Quyết định số 31, 32, 33 của Thủ tướng Chính phủ:

- Đối tượng khách hàng được vay vốn theo Quyết định số 31/2007/QĐ-TTg ngày 05/3/2007 của Thủ tướng Chính phủ: Trường hợp người vay có hộ khẩu ở nơi không thuộc vùng khó khăn nhưng đến tạm trú và thực hiện sản xuất, kinh doanh tại vùng khó khăn được UBND cấp xã xác nhận cư trú hợp pháp thì thuộc đối tượng được vay vốn chương trình này.

- NHCSXH chỉ cho vay đối với các hộ gia đình cư trú hợp pháp theo danh mục các xã vùng khó khăn thuộc Quyết định số 30/2007/QĐ-TTg ngày 05/3/2007 của Thủ tướng Chính phủ. Tại các địa phương có các xã khó khăn nhưng không nằm trong danh mục theo Quyết định 30 thì UBND tỉnh có tờ trình gửi Thủ tướng Chính phủ, NHCSXH không có thẩm quyền để xem xét các xã thuộc danh mục nêu trên.

- Hộ dân tộc thiểu số vay vốn theo Quyết định số 32 phải được UBND cấp xã xác nhận, UBND cấp xã đối chiếu giữa danh sách hộ gia đình đề nghị vay vốn do Tổ TK&VV, các tổ chức chính trị - xã hội bình xét với danh sách hộ dân tộc thiểu số đặc biệt khó khăn của xã đã được UBND cấp huyện phê duyệt. NHCSXH cho vay theo danh sách hộ gia đình đề nghị vay vốn theo mẫu số 03/TD đã được UBND xã phê duyệt. Trường hợp, hộ dân tộc thiểu số đặc biệt khó khăn trước đây đã vay vốn hộ nghèo, nay thuộc diện vay vốn theo Quyết định số 32 của Thủ tướng Chính phủ thì hộ dân tộc thiểu số đó được vay vốn theo Quyết định số 32 để trả lại vốn vay hộ nghèo trước đây đã vay. Trường hợp, hộ dân tộc thiểu số đặc biệt khó khăn có nhu cầu vay vốn trên mức tối đa 5 triệu đồng theo Quyết định số 32 và được Tổ TK&VV, tổ chức chính trị - xã hội xem xét hộ đó có khả năng sản xuất, kinh doanh và trả được nợ gốc, lãi đúng hạn thì vẫn được NHCSXH cho vay vốn theo chương trình cho vay hộ nghèo theo quy định hiện hành.

3. Hiện nay, mức cho vay tối đa đối với hộ nghèo theo chương trình cho vay hộ nghèo được quy định đến 30 triệu đồng/hộ. Hộ nghèo được vay vốn để sản xuất, kinh doanh và được vay vốn để giải quyết một phần nhu cầu thiết yếu trong sinh hoạt cụ thể là: Sửa chữa nhà ở, điện thấp sáng, cho con đi học phổ thông, nước sạch. Tổng mức vay của các nhu cầu của một hộ nghèo (gồm cả sản xuất kinh doanh và sinh hoạt) thuộc chương trình cho vay hộ nghèo không vượt quá 30 triệu đồng ở mọi thời điểm. Ngoài ra, hộ nghèo được nhận vốn vay để thực hiện các chương trình tín dụng chính sách khác như: xuất khẩu lao động; chi phí học tập cho con theo học các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp và dạy nghề, nhà ở thuộc vùng ngập lũ đồng bằng sông Cửu Long ... theo các điều kiện và quy định của các chương trình này.

4. Thực hiện nội dung Quyết định số 31 của Thủ tướng Chính phủ, NHCSXH chỉ thực hiện duy nhất một biện pháp bảo đảm tiền vay bằng tài sản hình thành từ vốn vay khi cho vay hộ gia đình sản xuất, kinh doanh tại vùng

khó khăn đối với các khoản vay trên 30 triệu đồng đến 100 triệu đồng. Ngân hàng nơi cho vay không giữ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hoặc thực hiện các hình thức bảo đảm tiền vay khác.

5. Xác định giá trị tài sản bảo đảm tiền vay

- Tài sản bảo đảm tiền vay được xác định giá trị tại thời điểm ký kết Khế ước nhận nợ kiêm cam kết bảo đảm tiền vay bằng tài sản hình thành từ vốn vay bổ sung (mẫu số 05A).

- Giá trị tài sản bảo đảm tiền vay do NHCSXH và người vay thoả thuận trên cơ sở giá thị trường và giá tính theo định mức kinh tế kỹ thuật của nhà nước (nếu có) hoặc theo giá mua thực tế của tài sản, có thể tham khảo giá quy định của nhà nước (nếu có), giá mua, giá trị còn lại trên sổ sách kế toán và các yếu tố khác về giá. Trường hợp cần thiết có thể thuê tổ chức tư vấn, tổ chức chuyên môn xác định giá trị tài sản bảo đảm tiền vay, chi phí thuê do người vay trả.

6. Các trường hợp phải đăng ký giao dịch bảo đảm bao gồm:

- Tài sản hình thành từ vốn vay mà pháp luật quy định phải đăng ký quyền sở hữu như: đất (quyền sử dụng đất), nhà, tàu bay, tàu biển...

- Tài sản hình thành từ vốn vay là rừng, quyền sở hữu rừng sản xuất là rừng trồng.

- Tài sản hình thành từ vốn vay để bảo đảm thực hiện nhiều nghĩa vụ.

- Các tài sản hình thành từ vốn vay khác nếu cá nhân, tổ chức có yêu cầu đăng ký giao dịch bảo đảm.

7. NHCSXH chi trả tiền thù lao cho UBND cấp xã mỗi xã 01 định suất tính theo tháng theo quy định của Bộ Tài chính. Hiện nay, mức chi 01 định suất là 80.000 ngàn đồng/tháng. Việc chi tiền thù lao cho ai là do UBND cấp xã quyết định. NHCSXH căn cứ vào văn bản của UBND cấp xã có tên người được nhận khoản thù lao này để lập phiếu chi tiền thù lao cho cán bộ xã.

8. Về các tiêu chí kỹ thuật để xây dựng công trình nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn thuộc chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn theo Quyết định số 62/QĐ-TTg ngày 16/4/2004 của Thủ tướng Chính phủ do Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng cho từng loại công trình theo từng khu vực, vùng. Giá thành công trình của các khu vực có thể khác nhau (có thể đến 10 triệu đồng hoặc 15 triệu đồng hoặc cao hơn nữa). NHCSXH chỉ cho vay hỗ trợ mỗi công trình tối đa 4 triệu đồng, mỗi hộ tối đa 8 triệu đồng cho 02 loại công trình, phần còn thiếu hộ gia đình phải sử dụng nguồn vốn tự có hoặc nguồn vốn khác. NHCSXH không được đưa ra tiêu chí xây dựng cho mỗi loại công trình chỉ 4 triệu đồng.

II. VỀ QUY TRÌNH, THỦ TỤC VÀ HỒ SƠ CHO VAY

1. Người vay vốn khi làm thủ tục vay vốn NHCSXH hoặc khi nhận tiền vay phải có Chứng minh nhân dân (CMND) hoặc phải có xác nhận của UBND cấp xã. Trường hợp, người vay vốn là người dân tộc thiểu số ở vùng sâu, vùng

xa chưa có điều kiện làm CMND, chưa có xác nhận của UBND cấp xã thì có thể được sử dụng ảnh để thay thế dán vào vị trí góc trái trên cùng của trang 1 Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sản xuất và kế ước nhận nợ (mẫu số 01/TD). Về lâu dài nên vận động người vay làm CMND để sử dụng trong quan hệ vay vốn NHCSXH.

2. NHCSXH áp dụng phương thức cho vay từng lần, nghĩa là người vay phải trả hết nợ lần trước, nếu tiếp tục là đối tượng thụ hưởng chính sách tín dụng mới được vay tiếp lần sau. Số tiền được vay lần sau có thể nhỏ hơn hoặc lớn hơn phụ thuộc vào nhu cầu của người vay và khả năng đáp ứng của NHCSXH.

2.1. Hiện nay, NHCSXH chỉ cho phép áp dụng cho vay bổ sung để khôi phục sản xuất, kinh doanh đối với trường hợp người vay bị rủi ro bất khả kháng do nguyên nhân khách quan như: thiên tai, dịch bệnh, hoả hoạn... để người vay có điều kiện khôi phục sản xuất, ổn định đời sống.

- Thủ tục cho vay bổ sung:

+ Căn cứ để NHCSXH cho vay bổ sung là biên bản xác nhận nợ bị thiệt hại do nguyên nhân khách quan (thiên tai, dịch bệnh, hoả hoạn...) có ghi nhu cầu vay vốn bổ sung để phục hồi sản xuất do Tổ TK&VV, các tổ chức chính trị - xã hội xác lập.

+ Thủ tục vay vốn: hộ gia đình có dư nợ bị thiệt hại có nhu cầu vay vốn bổ sung viết giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sản xuất và kế ước nhận nợ mẫu số 01/TD ghi rõ nội dung thuộc "*chương trình cho vay... để khôi phục sản xuất kinh doanh bị rủi ro do nguyên nhân khách quan*" gửi Tổ TK&VV để Tổ TK&VV lập danh sách: họ và tên người vay, số tiền xin vay bổ sung Tổ trưởng Tổ TK&VV ký danh sách đề nghị gửi NHCSXH.

Sau khi đã xét duyệt và giải quyết cho vay NHCSXH gửi danh sách những hộ được vay cho Tổ TK&VV, gửi tổ chức chính trị - xã hội để theo dõi như quy định hiện hành.

2.2. Thủ tục phát tiền vay nhiều lần: các đơn vị NHCSXH cần phân biệt thủ tục cho vay bổ sung như điểm 2.1 trên đây với việc phát tiền vay nhiều lần tức là khoản vay đã được Ngân hàng phê duyệt cho vay nhưng người vay được nhận tiền vay nhiều lần theo tiến độ thực hiện phương án sản xuất, kinh doanh. **Tổng số tiền các lần nhận tiền vay không được vượt quá số tiền đã được Ngân hàng phê duyệt cho vay.**

- Trường hợp người vay nhận tiền vay nhiều lần tại NHCSXH cấp tỉnh hoặc cấp huyện thì mỗi lần giải ngân Ngân hàng lập phiếu chi tiền, người vay ký nhận tiền và ký trên biểu phụ lục Kế ước nhận nợ hoặc Sổ TK&VV gồm cả 2 liên lưu Ngân hàng và liên người vay giữ.

- Trường hợp người vay nhận tiền vay tại điểm giao dịch xã, thì từ lần giải ngân thứ 2 trở đi cũng như trường hợp trên Ngân hàng chỉ phải lập phiếu chi tiền, người vay ký nhận tiền nhưng người vay chỉ phải ký vào biểu phụ lục Kế ước nhận nợ hoặc Sổ TK&VV vào liên người vay giữ, phần liên Kế ước nhận nợ (Sổ TK&VV) lưu tại Ngân hàng không nhất thiết phải ký vì người vay

đã ký trên phiếu chi tiền được lưu tại Ngân hàng, cán bộ NHCSXH cấp tỉnh hoặc cấp huyện phải cập nhật dữ liệu phát sinh vào Khế ước nhận nợ (Sổ TK&VV) lưu tại Ngân hàng.

3. NHCSXH căn cứ vào số tiền lãi thu được theo Bảng kê các khoản thu (mẫu số 12/TD) để tính và chi tiền hoa hồng cho Tổ TK&VV ngay sau khi Tổ TK&VV nộp tiền. Trường hợp chưa chi hoa hồng ngay sau khi Tổ TK&VV nộp tiền hoặc các tổ viên trả lãi trực tiếp tại điểm giao dịch thì phải lập bảng kê tính trả hoa hồng để làm căn cứ tính và chi hoa hồng cho Tổ TK&VV.

4. Đối với cho vay dài hạn được áp dụng thời gian ân hạn tối đa là 2 năm tính từ ngày vay. Trong thời gian ân hạn, người vay chưa phải trả nợ gốc nhưng vẫn phải trả lãi theo định kỳ thoả thuận (tháng/quý). NHCSXH cùng người vay thoả thuận định kỳ trả nợ gốc 6 tháng hoặc 1 năm/lần bắt đầu kể từ ngày cuối cùng của thời gian ân hạn.

5. Theo quy định, hết thời hạn thoả thuận tài sản bảo đảm tiền vay sẽ hình thành nhưng thực tế tài sản bảo đảm tiền vay chưa hình thành theo thời hạn thoả thuận thì được giải quyết như sau:

- Nếu tài sản chưa hình thành theo thời hạn thoả thuận do nguyên nhân khách quan thì NHCSXH cùng người vay tiếp tục thoả thuận thời gian tài sản sẽ hình thành để làm căn cứ lập Phụ lục Khế ước nhận nợ.

- Nếu tài sản chưa hình thành theo thời hạn thoả thuận do nguyên nhân chủ quan của người vay sử dụng vốn vay sai mục đích thì NHCSXH xử lý thu hồi nợ trước hạn và thực hiện chuyển nợ quá hạn.

6. Trường hợp người vay chỉ sử dụng một phần vốn vay đúng mục đích, còn một phần bị sử dụng sai mục đích thì yêu cầu người vay trả nợ trước hạn số tiền bị sử dụng sai mục đích, trường hợp chưa thu hồi ngay được thì chuyển số tiền vay bị sử dụng sai mục đích sang nợ quá hạn.

7. Các đơn vị Ngân hàng cơ sở được tiếp tục sử dụng Sổ TK&VV kèm Giấy đề nghị vay vốn (nếu còn) để làm thủ tục cho vay đối với chương trình cho vay hộ nghèo cho đến khi sử dụng hết ấn chỉ là Sổ TK&VV. Toàn bộ các loại ấn chỉ, mẫu biểu khác còn lại không đúng với hướng dẫn trong các văn bản mới đều phải huỷ bỏ để sử dụng mẫu biểu mới.

8. Về mẫu biểu trong thủ tục cho vay

Tiếp thu ý kiến tham gia của NHCSXH địa phương, Tổng giám đốc thống nhất bổ sung, sửa đổi một số mẫu biểu trong thủ tục cho vay sau:

8.1. Mẫu số 01/TD “Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sản xuất và Khế ước nhận nợ” (theo mẫu số 01/TD đính kèm thay thế cho mẫu số 01/TD đính kèm văn bản số 676/NHCS-TD ngày 22/4/2007):

a. Bổ sung thêm 1 số yếu tố sau:

- Chương trình cho vay:.....vào vị trí trên dòng số...../KƯ.

- Số tiền trả nợ.....đồng/lần vào sau Kỳ hạn trả nợ.....tháng/lần.

- Hoặc cơ quan có thẩm quyền dưới dòng Tổ trưởng Tổ Tiết kiệm và vay

vốn.

b. Sửa tên tiêu đề cột 7 điểm 3 phần III thành “chữ ký người thu tiền”.

Lưu ý: - Trường hợp hộ vay trả tiền (gốc, lãi) trực tiếp cho cán bộ NHCSXH tại Ngân hàng tỉnh hoặc huyện thì chữ ký vào cột 7 này là chữ ký của Thủ quỹ ngân hàng tỉnh hoặc huyện (trên cả liên lưu Ngân hàng và liên lưu người vay).

- Trường hợp hộ vay trả tiền (gốc, lãi) trực tiếp cho cán bộ NHCSXH tại điểm giao dịch xã thì chữ ký vào cột 7 này là chữ ký Thủ quỹ điểm giao dịch trên liên của người vay giữ và là chữ ký của kế toán Ngân hàng tỉnh hoặc huyện trên liên lưu Ngân hàng.

- Trường hợp Tổ TK&VV thu lãi của người vay thanh toán với Ngân hàng (tỉnh, huyện) hoặc điểm giao dịch xã thì chữ ký vào cột 7 này là chữ ký của cán bộ ban quản lý Tổ TK&VV thu tiền trên liên của người vay giữ và là chữ ký của Kế toán ngân hàng tỉnh hoặc huyện trên liên lưu Ngân hàng.

8.2. Mẫu số 03/TD “Danh sách hộ gia đình đề nghị vay vốn NHCSXH” được lập thêm 01 liên để gửi cho Tổ chức Hội nhận uỷ thác.

8.3. Mẫu số 06/TD “Phiếu kiểm tra sử dụng vốn vay”: Bổ sung thêm cột dư nợ đến kiểm tra, đã trả lãi đến ngày.../.../....Mẫu này được áp dụng chung cho việc kiểm tra sử dụng vốn vay sau khi vay và kiểm tra đột xuất của tất cả các đối tượng khách hàng vay vốn NHCSXH (mẫu số 06/TD đính kèm thay thế cho mẫu số 06/TD đính kèm văn bản số 676/NHCS-TD ngày 22/4/2007).

8.4. Mẫu số 07/TD “Giấy đề nghị cho vay lưu vụ” và mẫu số 09/TD “Giấy đề nghị cho gia hạn nợ”

- Người đề nghị cho vay lưu vụ và cho gia hạn nợ phải là người vay và chữ ký trên mẫu số 07/TD, 09/TD phải là chữ ký của người vay đã ký trên hồ sơ vay vốn.

- Các trường hợp NHCSXH cho vay không qua tổ TK&VV (NHCSXH cho vay trực tiếp đến người vay) thì không có chữ ký của Tổ TK&VV trên 02 mẫu này.

8.5. Mẫu số 12/TD “Bảng kê các khoản thu”

Để tiết giảm việc lập bảng kê tính lãi, mẫu số 12/TD được bổ sung thêm một số cột: Lãi suất, dư nợ, trả lãi từ ngày.../.../..... đến ngày.../.../.... (mẫu số 12/TD đính kèm thay thế cho mẫu số 12/TD đính kèm văn bản số 676/NHCS-TD ngày 22/4/2007).

8.6. Mẫu số 14/TD “Thông báo danh sách chuyển nợ quá hạn” được lập thêm 01 liên để gửi cho tổ chức Hội nhận uỷ thác.

8.7. Mẫu số 15/TD “Danh sách đối chiếu dư nợ vay”

- Sửa tiêu đề cột 5 và cột 7 thành “đã trả lãi đến ngày.../.../....”

- Sửa tiêu đề cột 9 thành “Về thời gian (tháng/ngày) trả lãi”

8.8. Mẫu số 05/TD “Khế ước nhận nợ kiêm cam kết bảo đảm tiền vay bằng tài sản hình thành từ vốn vay”: Phần “Phụ lục Khế ước nhận nợ” được sửa

đổi, bổ sung như sau (theo mẫu số 05/TD đính kèm thay thế cho mẫu số 05/TD đính kèm văn bản số 677/NHCS-TD ngày 22/4/2007):

- Điểm 2. Điều chỉnh kỳ hạn trả nợ gốc, gia hạn nợ gốc, cho vay lưu vụ,...: được bổ sung thêm cột “Chữ ký cán bộ kế toán”.

- Điểm 3. Theo dõi thu nợ, chuyển nợ quá hạn, dư nợ được:

+ Bổ sung thêm cột “Diễn giải” và cột “Chữ ký cán bộ Ngân hàng”.

+ Bỏ cột “Thu nợ quá hạn”.

8.9. Mẫu số 08/TD “Giấy đề nghị điều chỉnh kỳ hạn nợ”

Bỏ phần “Tổ TK&VV (Ký, ghi rõ họ tên)”

9. Về uỷ thác cho vay vốn đối với hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác giữa NHCSXH với các tổ chức chính trị- xã hội

9.1. Tỷ lệ nợ quá hạn khi tính trả phí dịch vụ uỷ thác cho tổ chức Hội là tỷ lệ nợ quá hạn tính theo thời điểm tính trả phí dịch vụ. Việc tính phí theo tỷ lệ nợ quá hạn này được áp dụng khi tính trả phí đối với Hội cấp xã. Số phí dịch vụ còn lại sau khi trả cho Hội cấp xã được phân bổ cho cấp tỉnh, cấp huyện, cấp trung ương theo tỷ lệ phân bổ phí quy định của các tổ chức Hội ở cấp trung ương.

9.2. Cho vay hộ nghèo bằng nguồn vốn của ngân sách địa phương thì vẫn tính và trả hoa hồng cho Tổ TK&VV, phí dịch vụ cho tổ chức Hội như mức phí chung của NHCSXH quy định cho Tổ TK&VV và tổ chức chính trị - xã hội. Trường hợp ngân sách địa phương cho vay không thu lãi hoặc thu lãi thấp hơn quy định của trung ương thì ngân sách địa phương phải cấp bù cho NHCSXH (gồm cả hoa hồng trả cho Tổ TK&VV và phí dịch vụ uỷ thác trả cho tổ chức chính trị - xã hội).

10. Về tổ chức hoạt động của điểm giao dịch tại xã

Sổ theo dõi cán bộ tham gia Tổ Giao dịch lưu động (mẫu số 01/GDX):

Sửa đổi tiêu đề cột “Cán bộ tín dụng” bằng “Tổ trưởng”.

Nhận được công văn này, yêu cầu Ông (bà) Giám đốc chi nhánh NHCSXH các tỉnh, thành phố triển khai thực hiện.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Chủ tịch HĐQT NHCSXH;
- Các thành viên Ban TGD;
- Các phòng, ban tại HSC;
- Trung tâm Đào tạo;
- Trung tâm Công nghệ thông tin;
- Sở Giao dịch NHCSXH;
- Đại diện Văn phòng miền Nam;
- Lưu VP, phòng NVTD.

TỔNG GIÁM ĐỐC

Hà Thị Hạnh

DANH MỤC CÁC MẪU BIỂU

(Kèm theo văn bản số 1080 /NHCS-TD ngày 08/6/2007 V/v: Giải đáp vướng mắc tại các lớp tập huấn nghiệp vụ tín dụng năm 2007)

STT	MẪU SỐ	TÊN MẪU BIỂU
1	01/TD	Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án SX và kế ước nhận nợ
2	06/TD	Phiếu kiểm tra sử dụng vốn vay
3	12/TD	Bảng kê các khoản thu
4	15/TD	Danh sách đối chiếu dư nợ vay
5	05/TD	Kế ước nhận nợ kiêm cam kết bảo đảm tiền vay bằng tài sản hình thành từ vốn vay
6	08/TD	Giấy đề nghị điều chỉnh kỳ hạn nợ



GIẤY ĐỀ NGHỊ VAY VỐN

KIÊM PHƯƠNG ÁN SẢN XUẤT VÀ KHẾ ƯỚC NHẬN NỢ

Chương trình cho vay.....

Số:...../KƯ

I. PHẦN DÀNH CHO NGƯỜI VAY

Kính gửi: Ngân hàng Chính sách xã hội

- Họ tên người vay:..... Năm sinh:.....
 - Số CMND:....., ngày cấp:...../...../....., nơi cấp:.....
 - Địa chỉ cư trú:thôn.....; xã.....huyện.....
 - Là thành viên Tổ TK&VV do ông (bà) làm tổ trưởng.
 - Thuộc tổ chức Hội:..... quản lý.
- Họ tên người thừa kế:..... Năm sinh Quan hệ với người vay.....
 - Số CMND:....., ngày cấp:...../...../....., nơi cấp:.....

Đề nghị NHCSXH cho vay số tiền:.....đồng để dùng vào việc:

Đối tượng	Số lượng	Thành tiền
.....
.....
.....

- Thời hạn xin vay: ... tháng;
 - Kỳ hạn trả nợ:..... tháng/lần; Số tiền trả nợ đồng/lần
 - Hạn trả nợ cuối cùng: Ngày...../...../.....
 - Lãi suất cho vay:...%/tháng, lãi suất nợ quá hạn:%lãi suất khi cho vay.
- Lãi tiền vay được trả định kỳ hàng tháng/quý, vào ngày
- Tôi xin cam kết sử dụng vốn vay đúng mục đích, trả nợ gốc và lãi đầy đủ, đúng hạn. Nếu sai trái, tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

....., ngày..... tháng năm

Tổ trưởng tổ TK&VV
(Hoặc cơ quan có thẩm quyền)
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có))

Người vay
(Ký, ghi rõ họ tên hoặc điểm chỉ)

II. PHÊ DUYỆT CỦA NGÂN HÀNG

- Số tiền cho vay:đồng (Bằng chữ:.....)
- Lãi suất:%/tháng. Lãi suất nợ quá hạn:% lãi suất khi cho vay.
- Thời hạn cho vay: tháng. Hạn trả nợ cuối cùng: Ngày...../...../.....

Ngày.....tháng.....năm.....

Cán bộ tín dụng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Trưởng phòng
(Tổ trưởng) TD
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký tên, đóng dấu)

III. PHẦN THEO DÕI NỢ VAY

1. Phát tiền vay

Ngày, tháng, năm	Diễn giải	Số tiền vay từng lần	Tổng dư nợ	Chữ ký	
				Người vay	Cán bộ ngân hàng

2. Theo dõi gia hạn nợ, cho vay lưu vụ, xử lý rủi ro,...

Ngày, tháng, năm	Diễn giải	Số tiền	Đến ngày, tháng, năm	Chữ ký Cán bộ Ngân hàng

SV

3. Theo dõi thu nợ - thu lãi - dư nợ - chuyển nợ quá hạn

Ngày tháng năm	Diễn giải	Số tiền trả nợ		Tổng dư nợ	Lãi suất (%/tháng)	Chữ ký người thu tiền
		Gốc	Lãi			
1	2	3	4	5	6	7

PHIẾU KIỂM TRA SỬ DỤNG VỐN VAY
 (Định kỳ hoặc đột xuất)

Họ và tên cán bộ kiểm tra: 1. Ông (bà): , chức vụ
 2. Ông (bà): , chức vụ
 Thời điểm kiểm tra:, địa bàn kiểm tra:

PHẦN GHI THEO HỒ SƠ CHO VAY			PHẦN KIỂM TRA THỰC TẾ TẠI HỘ VAY VỐN							
S	Số số vay vốn (Khế ước)	Họ và tên người vay	Số tiền vay	Mục đích sử dụng vốn vay	Số tiền thực nhận	Dư nợ đến ngày kiểm tra	Đã trả lãi đến ngày/...../.....	Thực tế sử dụng	Số tiền sử dụng sai mục đích	Ký xác nhận của người vay
1										
2										
...										
	Tổng cộng									

Nhận xét: 1. Tình hình thực hiện phương án sản xuất:
 2. Tài sản bảo đảm nợ vay (nếu có):
 3. Kiểm tra, đối chiếu thực tế được hộ, số tiền đồng. Trong đó:
 - Số hộ sử dụng đúng mục đích:hộ, số tiền: đồng, tỷ trọng: %.
 - Số hộ sử dụng sai mục đích:hộ, số tiền: đồng, tỷ trọng: %.

Biện pháp xử lý:

Ngày tháng năm
Cán bộ kiểm tra
 (Ký, ghi rõ họ tên)

1
 2

CN NHCSXH TỈNH
PGD:

Mẫu số: 12/TD

Lập 02 liên:
- 01 liên lưu NH,
- 01 liên lưu tổ TK&VV

BẢNG KÊ CÁC KHOẢN THU

Họ tên Tổ trưởng Tổ TK&VV:, mã số.....
Địa chỉ:.....
Hội.....quản lý.

Đơn vị tính: %/tháng, đồng

Họ tên người vay	Số KU (Số vay vốn)	Lãi suất	Dư nợ	Trả lãi		Số tiền trả lãi	Số tiền gửi tiết kiệm
				Từ ngày .../.../....	Đến ngày .../.../....		
Cộng	x	x		x	x		

Tổng số tiền nộp:..... đồng.
Bằng chữ

Ngày... tháng..... năm.....

Tổ tiết kiệm và vay vốn
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kiểm soát
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán
(Ký, ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH ĐỐI CHIẾU DƯ NỢ VAY

Mẫu số 15/ TD
Lập 1 liên lưu NH.

Hội:.....
 Xã:.....
 Tổ TK&VV (dự án):.....
 Chương trình cho vay:.....
 Đến ngày/...../.....

Stt	Họ tên người vay	Số sổ TK&VV (khế ước)	Số liệu tại Ngân hàng		Số liệu đối chiếu tại hộ		Số chênh lệch		Chữ ký xác nhận của người vay
			Số tiền nợ gốc	Đã trả đến ngày.../.../....	Số tiền nợ gốc	Đã trả đến ngày.../.../....	Số tiền nợ gốc	Về thời gian (tháng, ngày) trả lãi	
1	2	3	4	5	6	7	8 = 6-4	9 = 7-5	10
Tổng cộng				X		X			

Cán bộ đối chiếu
(Ký, ghi rõ họ tên)

KHẾ ƯỚC NHẬN NỢ KIÊM CAM KẾT
BẢO ĐẢM TIỀN VAY BẰNG TÀI SẢN HÌNH THÀNH TỪ VỐN VAY
Số:/KU

Hôm nay, ngày tháng năm tại chúng tôi gồm:

Bên cho vay (sau đây gọi tắt là Bên A):

- Ngân hàng Chính sách xã hội:
- Địa chỉ:.....
- Người đại diện Ông (bà): Chức vụ:.....
- Giấy uỷ quyền (nếu có) số: ngày.../.../.....do ông (bà) uỷ quyền.

Bên vay (sau đây gọi tắt là Bên B):

1. Họ và tên người vay:.....năm sinh.....
CMND số ngày cấp .../.../..... Nơi cấp:.....
Địa chỉ thường trú:
2. Họ và tên người thừa kế:..... năm sinh.....
Quan hệ với người vay:.....
CMND số ngày cấp .../.../..... Nơi cấp:.....

Hai Bên cùng thỏa thuận nội dung sau đây:

Điều 1. Nội dung cho vay

- 1.1. Tổng số tiền cho vay (bằng số): đồng
Bằng chữ:
- 1.2. Mục đích sử dụng tiền vay:
.....
.....

1.3. Thời hạn cho vay:..... tháng; Hạn trả nợ cuối cùng, ngày .../.../.....
Định kỳ hạn trả nợ gốc kỳ, tháng/□□.

1.4. Lãi suất cho vay: ...%/tháng. Lãi suất nợ quá hạn: ...% lãi suất khi cho vay.
Tiền lãi trả theo định kỳ tháng/quí, vào ngày.../.../.....

Điều 2. Phát tiền vay

Phát tiền vay một hay nhiều lần:.....

Điều 3. Hình thức bảo đảm tiền vay

3.1. Cam kết bảo đảm tiền vay bằng tài sản hình thành từ vốn vay:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>
.....
.....
.....

3.2. Thoả thuận thời gian tài sản sẽ hình thành: Ngày.../.../.....



Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của bên A.

4.1. Quyền của bên A

- a. Kiểm tra, giám sát quá trình sử dụng vốn vay của bên B.
- b. Ngừng cho vay và thu hồi nợ trước hạn, chuyển nợ quá hạn nếu phát hiện bên B sử dụng vốn vay sai mục đích.
- c. Đến kỳ hạn trả nợ, bên B không được cho vay lưu vụ, điều chỉnh kỳ hạn nợ, cho gia hạn nợ thì chuyển số dư nợ đến hạn phải trả sang nợ quá hạn.
- d. Được phát mại các tài sản hình thành từ vốn vay để thu nợ khi bên B không trả được nợ.
- e. Yêu cầu bên B thực hiện đúng các điều khoản thỏa thuận.

4.2- Nghĩa vụ của bên A

- a. Thực hiện đúng những nội dung đã thỏa thuận.
- b. Phát đủ số tiền vay phù hợp với tiến độ thực hiện phương án sản xuất của bên B, thu hồi nợ (gốc và lãi).

Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của bên B

5.1. Quyền của bên B

- a. Được trả nợ trước hạn.
- b. Từ chối mọi yêu cầu của bên A trái với thỏa thuận.

5.2. Nghĩa vụ của bên B

- a. Thực hiện đúng những nội dung đã thỏa thuận.
- b. Sử dụng tiền vay đúng mục đích xin vay. Hoàn trả đầy đủ nợ vay (cả tiền gốc và lãi) theo đúng thời hạn đã thỏa thuận.
- c. Không được sử dụng tài sản hình thành từ tiền vay để bảo đảm cho một nghĩa vụ dân sự khác, hoặc chuyển nhượng tài sản này khi chưa trả hết nợ vay.
- d. Chịu sự kiểm tra, giám sát của bên A trong sử dụng vốn vay.

Điều 6. Khế ước nhận nợ có hiệu lực kể từ ngày ký cho tới khi bên B hoàn thành nghĩa vụ trả nợ cả tiền gốc và lãi.

Điều 7. Cam kết chung

1. Hai bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản của Khế ước nhận nợ này. Mọi sửa đổi, bổ sung nội dung của các điều, khoản phải được sự thỏa thuận của hai bên bằng văn bản.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có tranh chấp xảy ra thì hai bên thống nhất giải quyết trên tinh thần hợp tác. Trường hợp không hòa giải được thì yêu cầu cơ quan có thẩm quyền giải quyết hoặc khởi kiện theo pháp luật.

Khế ước nhận nợ này được lập thành 02 bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 01 bản.

Đại diện bên B
(Ký, ghi rõ họ tên)

Đại diện bên A
(Ký tên, đóng dấu)



GIẤY ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH KỲ HẠN TRẢ NỢ

Kính gửi: Ngân hàng Chính sách xã hội.....

Họ và tên người vay..... Năm sinh:.....
Địa chỉ cư trú tại: thôn..... xã..... huyện.....
Là thành viên tổ TK&VV do ông (bà)..... làm tổ trưởng.
Thuộc tổ chức Hội..... quản lý.
Số TK&VV hoặc Khế ước nhận nợ số:; lập ngày ... / ... /.....
Theo phân kỳ trả nợ đã thoả thuận, đến nay tôi chưa trả được nợ Ngân hàng vì lý do:.....
Đề nghị Ngân hàng cho tôi được điều chỉnh kỳ hạn trả nợ gốc như sau:

Kỳ hạn nợ theo cam kết		Đề nghị điều chỉnh kỳ hạn trả nợ mới	
Ngày, tháng, năm	Số tiền gốc	Ngày, tháng, năm	Số tiền gốc

Ngày.....tháng....năm.....

Người vay

(Ký, ghi rõ họ tên hoặc điểm chỉ)

Phê duyệt của NHCSXH

Kỳ hạn trả nợ mới		Kỳ hạn trả nợ mới	
Ngày, tháng, năm	Số tiền gốc	Ngày, tháng, năm	Số tiền gốc

Cán bộ tín dụng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Trưởng phòng
(tổ trưởng) TD
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngàytháng năm.....
Giám đốc
(Ký tên, đóng dấu)

